

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**
Số: 4382/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bình Định, ngày 27 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,41 ha) tại núi
Sơn Triều, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định
của Công ty TNHH Đình Phát**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3854/STNMT-CCBVMT ngày 07/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,41 ha) tại núi Sơn Triều, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn của Công ty TNHH Đình Phát;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,41 ha) tại núi Sơn Triều, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 24/CV/2023-ĐP ngày 22/11/2023 của Công ty TNHH Đình Phát;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1420/TTr-STNMT ngày 24/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,41 ha) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Đình Phát (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại núi Sơn Triều, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./ 

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND xã Nhơn Thọ;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (DIỆN TÍCH 5,41 HA)
TẠI NÚI SƠN TRIỀU, XÃ NHƠN THỌ, THỊ XÃ AN NHƠN
CỦA CÔNG TY TNHH ĐÌNH PHÁT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,41 ha).
- Địa điểm thực hiện: núi Sơn Triều, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đình Phát.
- Địa chỉ liên hệ: Lô trung tâm Khu công nghiệp Nhơn Hòa – khu vực Tân Hòa, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 0256 2211439.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 5,41 ha.
- Thời hạn khai thác: 01 năm (năm 2024), theo tiến độ thi công một số công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã An Nhơn do Công ty TNHH Đình Phát thi công.
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).
- Trữ lượng khai thác: Trữ lượng được phép khai thác theo Quyết định số 2416/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh Bình Định là 364.613 m³. Theo đó, sau khi khấu trừ trữ lượng lớp đất 0,6 m để trồng cây, cải tạo phục hồi môi trường (không lưu giữ lại lớp đất phủ bề mặt mỏ) và tạo bờ dừng đảm bảo an toàn thì trữ lượng huy động vào khai thác là 293.276 m³ đất địa chất.
- Công suất khai thác: 293.276 m³ đất địa chất/năm.

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác:

Vị trí mở mỏ khai thác tại cao độ cos +45m phía Đông Nam khai trường (gần điểm góc số 3) theo hướng khai thác từ trên xuống dưới; thực hiện phục hồi môi trường (san gạt, trồng cây) sau khi kết thúc khai thác. Kết thúc khai thác, địa hình mỏ thoải dần từ độ cao +50m đến +22m theo hướng từ Đông Nam sang Tây Bắc (cao hơn cos địa hình hiện trạng mặt bằng phía hạ lưu, đảm bảo thoát nước). Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,25 m³) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày

22/5/2020).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường: 03 hố giảm tốc (phía Bắc, phía Tây Bắc và phía Tây Nam). Hệ thống mương thu gom nước mưa xung quanh mỏ (trừ mương ranh giới phía Nam vì nước mưa khu vực này gom theo tuyến đường giao thông phía Nam) có tổng chiều dài 565 m; mương thoát nước mưa dọc tuyến đường vận chuyển phía Tây có chiều dài 280 m; mương thoát nước mưa từ hố giảm tốc phía Bắc ra nguồn tiếp nhận là mương thoát nước mưa của KCN Nhơn Hòa có chiều dài 200 m.

- Tuyến đường giao thông trong mỏ:

- + Xây dựng tuyến đường dọc ranh giới phía Tây mỏ nối với tuyến đường hiện trạng phía Bắc dự án: Kết cấu đất đầm chặt, kích thước: Dài 280 m x Rộng 5 m (kết hợp làm mương thoát nước dọc tuyến đường).

- + Tuyến đường tạm trong mỏ có kết cấu đất đầm chặt, kích thước: Dài 180 m x Rộng 5 m (kết hợp làm mương thoát nước hai bên tuyến đường).

- Khu vực phụ trợ phía Tây Bắc (nằm trong ranh giới mỏ), diện tích khoảng 1.500 m² để bố trí lán trại tạm, bãi tập kết xe.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác; hoạt động khai thác và vận chuyển; gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,2 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất phát sinh khoảng 7.695 m³/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn là 7,3 ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến công trình.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh

khoảng 09 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nặng.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 02 kg/năm; pin, ắc quy thải (Mã chất thải: 16 01 12) khoảng 05 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ ảnh hưởng đến hạ lưu khu vực dự án, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ có tổng chiều dài khoảng 565 m (kích thước: Rộng 2,0 m x Sâu 1,0 m); mương thoát nước mưa chảy tràn dọc tuyến đường vận chuyển phía Tây có chiều dài 280 m (kích thước: Rộng 2,0 m x Sâu 1,0 m); mương thu gom nước mưa chảy tràn hai bên tuyến đường nội bộ mỏ có tổng chiều dài 360 m (kích thước: Rộng 0,5 m x Sâu 0,5 m) và mương dẫn nước sau xử lý từ hố giảm tốc số 2 phía Bắc mỏ ra nguồn tiếp nhận có chiều dài 200 m (kích thước: Rộng 2,0 m x Sâu 1,0 m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hố giảm tốc số 1 phía Tây Bắc (tọa độ 1.529.395; 587.096), thể tích khoảng 588 m³ (diện tích 196 m², sâu 3 m); hố giảm tốc số 2 phía Bắc (tọa độ: 1.529.347; 587.228), thể tích khoảng 432 m³ (diện tích 144 m², sâu 3 m); hố giảm tốc số 3 phía Tây Nam (tọa độ: 1.529.177; 587.068), thể tích khoảng 432 m³ (diện tích 144 m², sâu 3 m). Kết cấu các hố giảm tốc được chia làm 02 ngăn, gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý:

- + Nước mưa chảy tràn phía Đông và một phần phía Bắc mỏ → mương thu nước phía Đông và phía Bắc mỏ → hố giảm tốc số 02 phía Bắc (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thoát nước ngoài mỏ → mương thoát nước của khu công nghiệp Nhơn Hòa.

- + Nước mưa chảy tràn khu vực phía Nam mỏ → mương thu nước hai bên tuyến đường nội bộ mỏ → hố giảm tốc số 3 phía Tây Nam (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → công ngầm qua đường → mương thoát nước dọc tuyến đường phía Tây dự án → mương thoát nước của khu công nghiệp Nhơn Hòa.

+ Nước mưa chảy tràn phía Tây và một phần phía Bắc mỏ → mương thu nước phía Bắc và phía Tây mỏ → hồ giảm tốc số 01 phía Tây Bắc (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → cống ngầm qua đường → mương thoát nước dọc tuyến đường phía Tây dự án → mương thoát nước của khu công nghiệp Nhơn Hòa.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi đất.

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển (đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật Khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường cụ thể như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	Khu vực mỏ				
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	3	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác
2.	San gạt mặt bằng mỏ	m ³	4.869	Tạo bề mặt bằng phẳng, thoải về phía Tây Bắc (hạ lưu) thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
3.	San lấp mương thoát nước và hố giảm tốc	m ³	3.280	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
4.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	m ²	40		
5.	Tháo dỡ cống thoát nước	tấn	18,04		
6.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ	ha	5,41	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc khai thác
7.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	ha	5,41	Giám sát độ sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **782.053.000 đồng** (Bảy trăm tám mươi hai triệu không trăm năm mươi ba nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 01 lần; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó.

- Thường xuyên nạo vét hố giảm tốc và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến việc thoát nước tại khu vực.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.2. Giám sát sa bồi, thủy phá diện tích đất nông nghiệp phía hạ lưu.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển đất.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.